

Bản án số: 18/2020/HS-ST
Ngày 15-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lục Văn Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Tâm
2. Bà Hoàng Thị Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2020/TLST-HS ngày 03/6/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2020/QĐXXST-HS ngày 01/07/2020 đối với các bị cáo:

- Lê Văn K, sinh ngày 13/5/1998, tại xã C, huyện L, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm B, xã C, huyện L, tỉnh Cao Bằng.
nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ và bà Nông Thị G; vợ: Hoàng Thị H; con: Có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt từ ngày 23/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Lê Văn B, sinh ngày 01/4/1986, tại xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm V, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng;
nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L (đều đã chết); vợ: Vi Thị H (đã ly hôn); con: Lê Bảo H1, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt từ ngày 23/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bào chữa cho 02 bị cáo: Ông Triệu Bằng Giang - Trợ giúp viên pháp lý chi nhánh huyện Hạ Lang, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người làm chứng: Lý Văn N, sinh năm 1998.

Nơi cư trú: Xóm C, xã Q, huyện L, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 23/4/2020, Tổ công tác Công an huyện Hạ Lang phối hợp với Công an xã L làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại khu vực xóm C, xã L phát hiện có 02 người đàn ông không đội mũ bảo hiểm, đi xe máy có nhãn hiệu LIFAN, Biển kiểm soát 11F4-6751 nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra thì phát hiện trong bàn tay phải người ngồi phía sau xe là Lê Văn B có 01 gói giấy bạc, bên trong có nhiều cục nhỏ màu trắng, khám người thu giữ thêm 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng bạc; kiểm tra người điều khiển xe là Lê Văn K, thu giữ 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn K và 01 điện thoại nhãn hiệu GiGi. Sự việc được lập biên bản, vật chứng được niêm phong, đồng thời phương tiện, vật chứng và người được đưa về trụ sở để làm rõ.

Qua điều tra chứng minh được: Số chất bột màu trắng bị thu giữ có khối lượng là 0,47g (không phải bốn mươi bảy gam), được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng giám định với kết luận là chất Heroine. Theo K và B khai nhận thì chiều ngày 22/4/2020, K đi bộ đến gặp B tại nhà và đặt vấn đề đi mua ma túy về sử dụng, rồi cả 02 người đèo nhau đến xóm H tìm mua ma túy nhưng không có. Tại đây, B góp 800.000 đồng (tám trăm nghìn), K góp 200.000 đồng (hai trăm nghìn). Sau đó, B tự điều khiển xe của mình đến huyện K mua ma túy với 01 người đàn ông không biết họ tên, địa chỉ với số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu) rồi quay về đón K. Do trời mưa, nên B và K đã vào nhà của một người bạn của K tên là Lý Văn N và ăn cơm tại đó, khoảng 20 giờ B đem ma túy ra để cả 03 người cùng sử dụng rồi đi ngủ, đến sáng hôm sau thì B và K lấy xe đi về nhưng khi đến C thì bị lực lượng chức năng bắt giữ.

Về vật chứng đã được xác định và xử lý như sau: Số ma túy bị thu giữ, 01 chiếc xe máy, 02 chiếc điện thoại đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang. Trong đó, chiếc xe máy được xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu của Lê Văn B, được dùng làm phương tiện đi mua ma túy; 02 chiếc điện thoại nhãn hiệu GiGi và chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO là của 02 bị cáo, không liên quan đến tội phạm.

Đối với người bán ma túy cho Lê Văn B không xác định được họ tên và địa chỉ.

Tại bản Cáo trạng số: 18/CT-VKSHL ngày 29/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang đã truy tố Lê Văn B, Lê Văn K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Văn, Lê Văn K thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và cho rằng Cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội và không có ý kiến khiếu nại về hành vi cũng như các quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS. Khi phạm tội, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều thành khẩn khai báo, đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 để quyết định mức hình phạt. Xử phạt các bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù. Về vật chứng: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy số Heroine bị thu giữ, tịch thu sung chiếc xe máy, trả lại chiếc điện thoại OPPO của Lê Văn B, trả chiếc điện thoại GIGI của Lê Văn K do không liên quan đến tội phạm.

Người bào chữa cho 02 bị cáo trình bày: Về tội danh, các điều, khoản mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang đã truy tố là có căn cứ. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ như các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng biên giới có điều kiện kinh tế, đi lại khó khăn, nên phần nào cũng ảnh hưởng đến nhận thức pháp luật của các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được áp dụng đối với các bị cáo khi quyết định mức hình phạt.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhất trí với các tình tiết giảm nhẹ mà người bào chữa cho bị cáo đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hạ Lang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện và các yếu tố cấu thành tội phạm: Do Lê Văn B và Lê Văn K là người đã sử dụng ma túy nhiều năm, nên cả 02 bị cáo cùng góp tiền và đèo nhau bằng xe máy của B đến xã Q để mua ma túy, do không có ma túy nên B một mình điều khiển xe đến thị trấn T, huyện K mua 01 gói ma túy với một người đàn ông không biết tên với số tiền 1.000.000 đồng (một triệu). Sau đó, B tách một phần cho K và Lý Văn N cùng sử dụng tại nhà của N, sáng 24/3/2020 K đèo B rời khỏi nhà N đến xóm C, xã L thì bị bắt giữ với số ma túy còn lại. Khi bị bắt, số ma túy đó được B cất giữ trong lòng bàn tay với mục đích để sử dụng, không có mục đích khác. Số ma túy bị bắt giữ được cân có khối lượng 0,47g (không phải bốn mươi bảy gam), được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng giám định với kết luận là chất Heroine. Như vậy, hành vi của 02 bị cáo là hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Khi thực hiện hành vi tàng trữ ma túy, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự và hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhưng vì lợi ích thỏa mãn cho việc chích hút cá nhân nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền của nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng, làm mất trật tự trị an ở địa phương, khiến quần chúng bất bình và lo lắng. Xét về tính chất, hậu quả của hành vi là nghiêm trọng, nên cần cách ly bị cáo một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu có trong hồ sơ và có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang chỉ truy tố các bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 và mức hình phạt đã đề nghị là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng tại Điều 52 BLHS, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cần được áp dụng khi quyết định mức hình phạt. Ngoài ra, các bị cáo còn được hưởng các tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 BLHS, do các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng biên giới có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên phần nào có sự ảnh hưởng nhất định về nhận thức pháp luật.

Về vai trò của từng bị cáo: Các bị cáo là đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn với vai trò đều là người thực hành trong việc tàng trữ trái phép chất ma túy. Trong đó, K là người đặt vấn đề đi mua ma túy về sử dụng, B là người bỏ phương tiện và là người trực tiếp mua ma túy nên vai trò của B cao hơn. Tuy nhiên, do bị cáo B có ông nội là người được Nhà nước tặng thưởng Huân chương do có công lao trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên khi áp dụng hình phạt cần được xem xét, cân nhắc.

Đối với người bán ma túy cho bị cáo B, do không xác định được họ và tên, nơi cư trú nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với Lý Văn N là người

cùng bị cáo B và K sử dụng ma túy tại nhà, nhưng do N cũng là người đã từng sử dụng ma túy, không có căn cứ để xác định N cho B và K sử dụng địa điểm để thu lời và N không được biết khối lượng ma túy của B cất giữ, nên Viện kiểm sát không truy tố là có căn cứ.

[4]. Về vật chứng:

Số Heroine bị thu giữ thuộc mặt hàng Nhà nước cấm lưu hành, nên cần tịch thu tiêu hủy; chiếc xe máy là tài sản của B mua không làm giấy tờ mua bán, được B sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy để tàng trữ trái phép nên cần tịch thu sung công; 02 chiếc điện thoại của 02 bị cáo, không có tài liệu chứng minh có liên quan đến tội phạm, nên cần trả lại cho các bị cáo.

[5]. Về án phí: Các bị cáo là người bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản Điều 249 BLHS; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 52 BLHS đối với các bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn B, Lê Văn K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lê Văn B 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 23/4/2020.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn K 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 23/4/2020.

3. Về vật chứng: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì bên trong chứa Heroine, mặt trước ghi “Vật chứng thu giữ của Lê Văn B, Lê Văn K bắt ngày 23/4/2020”.

- Tịch thu Chiếc xe máy có nhãn hiệu LIFAN màu nâu, có số khung 002720, số máy IP50FMG-3, 20273240 có Biển kiểm soát 11F4-6751 của Lê Văn B để sung công quỹ Nhà nước.

- Trả 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO có số IMEI: 886468035363383, IMEI2: 866468035363383 cho bị cáo Lê Văn B.

- Trả 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu GiGi màu bạc có số IMEI: 356180601156623, IMEI2: 356180601156631 cho bị cáo Lê Văn K.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Lê Văn B, Lê Văn K phải chịu mỗi người 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm, sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (bằng thông báo);
- Bị cáo;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lục Văn Doanh